

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điểm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2024/TLST-HNGĐ ngày 27-11-2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-01-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ X, sinh năm 1988; địa chỉ nơi cư trú: Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Thạch Hùng S, sinh năm 1984; địa chỉ nơi cư trú: Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-11-2024, biên bản hoà giải ngày 19-12-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn Bà Đặng Thị Mỹ X trình bày bà và Ông Thạch Hùng S cưới nhau vào năm 2005 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 271 do Ủy ban nhân dân xã Q cấp ngày 10-08-2011. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm; đến năm 2007, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, cuộc sống hôn nhân không còn tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không đạt được; ông S có xu hướng bạo lực gia đình sau khi đi nhậu về; bà

và ông S đã sống ly thân; nay bà kiên quyết xin ly hôn với ông S. Thời gian chung sống giữa bà và ông S có hai con chung tên Thạch Thị Bảo N (sinh ngày 21-01-2006) và Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014); đối với con chung tên Thạch Thị Bảo N (sinh ngày 21-01-2006) đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết, con chung tên Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014) hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con. Tài sản chung, nợ chung giữa bà và ông S không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 19-12-2024 và tại phiên tòa, bị đơn Ông Thạch Hùng S thống nhất về thời gian xây dựng hôn nhân, con chung như bà X trình bày. Về hôn nhân, ông không đồng ý ly hôn với bà X do ông còn thương vợ con, cuộc sống vợ chồng đôi lúc không tránh khỏi cãi vã. Trong năm 2024, ông có đánh vợ một lần, ông và bà X không còn sống chung với nhau từ ngày 17-11-2024 cho đến nay. Trong quá trình không chung sống với nhau, ông có đi tìm bà X để hàn gắn tình cảm, nhưng bà X không đồng ý. Hàng tháng, ông vẫn đi làm nuôi hai con chung. Nếu trường hợp Toà án giải quyết cho bà X ly hôn với ông thì ông đồng ý giao con chung là Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014) cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung, ông và bà X có hai công đất ruộng ở Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết, ông và bà X sẽ tự thỏa thuận. Về nợ chung thì ông và bà X không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Bà Đặng Thị Mỹ X vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Thạch Hùng S có mặt và không đồng ý ly hôn, đề cập yêu cầu xem xét về nợ chung giữa ông và bà X; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho Bà Đặng Thị Mỹ X được ly hôn với Ông Thạch Hùng S; về con chung tên Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014) giao cho Bà Đặng Thị Mỹ X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đã thành niên; về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị Mỹ X là vụ án hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; bị đơn Ông Thạch Hùng S cư trú Ấp N, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, bà X vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà X và ông S kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 271 ngày 10-8-2011 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo bà X trình bày vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, ông S có xu hướng bạo lực gia đình và đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng bà X vẫn kiên quyết xin ly hôn do ông S có xu hướng bạo lực gia đình; ông S thừa nhận năm 2024 có đánh vợ một lần và vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 17-11-2024 đến nay nhưng không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con, ông S cho rằng bà X ly hôn do có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Ủy ban nhân dân xã Q ý kiến cho rằng qua xác minh các hộ dân xung quanh nơi cư trú và Ban nhân dân Ấp N, xã Q thì bà X, ông S đi làm ăn xa, do đó không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa bà X, ông S. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... theo quy định tại Điều 17-Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, như bà X và ông S thừa nhận trong thời gian sống chung thì ông S từng có hành vi bạo lực gia đình, đánh bà X là vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; đồng thời, từ ngày 17-11-2024 đến nay thì bà X và ông S đã sống ly thân, mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét bà X yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Việc ông S cho rằng trong thời gian chung sống với ông thì bà X có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nhưng tại phiên tòa không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nếu ông S có đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh bà X có hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng thì có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà X và ông S thống nhất xác định ông, bà có hai con chung tên Thạch Thị Bảo N (sinh ngày 21-01-2006), Thạch Thị Bảo N2 (sinh

ngày 01-11-2014) và thống nhất đối với con chung tên Thạch Thị Bảo N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn về con chung tên Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014) khi ly hôn giao cho bà X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến thành niên và ông S không phải cấp dưỡng cho con; cháu Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014) có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà X. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận, cần tiếp tục giao cháu Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014) cho bà X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, nguyện vọng của bà X, ông S và cháu N2; ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà X không yêu cầu về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông S trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại phiên hòa giải ngày 19-12-2024, bà X và ông S thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, ông S cung cấp các thông tin cho rằng ông và bà X có nợ chung số tiền 285.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia nợ chung trên nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Xét thấy, ông S có quyền đưa ra các yêu cầu trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19-12-2024, bà X và ông S thống nhất trình bày nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục 18-20), tại phiên tòa ông S mới yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về nợ chung nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014; nếu ông S có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh về nợ chung với bà X thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà X phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đặng Thị Mỹ X với bị đơn Ông Thạch Hùng S:

- Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Mỹ X được ly hôn với Ông Thạch Hùng S (Giấy chứng nhận kết hôn số 271 ngày 10-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng).

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Thạch Thị Bảo N2 (sinh ngày 01-11-2014) cho Bà Đặng Thị Mỹ X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đã thành niên; Ông Thạch Hùng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con: Bà Đặng Thị Mỹ X không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Mỹ X và Ông Thạch Hùng S trình bày không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Đặng Thị Mỹ X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Thạch Hùng S nếu có tài liệu, chứng cứ chứng minh và có yêu cầu về nợ chung với Bà Đặng Thị Mỹ X thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Đặng Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008292 ngày 22-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhân